

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2024
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thiềm Quốc Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Tuyết Mai
- Ông Nguyễn Văn Sang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Bích Truong - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Nhu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Bùi Thanh T**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Khu vực P, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Luật sư **Trần Văn S** - Văn phòng Luật sư A, Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

- **Bị đơn:** Bà **Lê Thị Bé H**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Khu vực P, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. (Có mặt). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện** đề ngày 17/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Bùi Thanh T** trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, giữa ông và bà Lê Thị Bé H tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (nay là tỉnh Hậu Giang) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 74/2002 ngày

05/9/2002. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện nay, ông và bà Bé H cũng đã sống ly thân với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông Tâm đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Bé H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, giữa ông và bà Bé H có 02 người con chung tên Bùi Thị Thúy V, sinh ngày 03/8/2002 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn con chung tên Bùi Thanh H, sinh ngày 07/8/2007 hiện đang sống cùng với ông, do ông nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn thì ông T xin được nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu bà Bé H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung thì không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn Lê Thị Bé H họp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do nên không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày luận cứ bảo vệ, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án. Về tố tụng thì Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Còn về nội dung giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Bùi Thanh T được ly hôn với bà Lê Thị Bé H. Về con chung, Bùi Thị Thúy V, sinh ngày 03/8/2002 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết. Còn con chung tên Bùi Thanh H, sinh ngày 07/8/2007 đề nghị giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Bé H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung thừa nhận không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa ông Bùi Thanh T và bà Lê Thị Bé H là công dân Việt Nam, có chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (nay là tỉnh Hậu Giang) cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay ông T yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Bé H, cư trú tại khu vực P, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cái Răng được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập bị đơn Lê Thị Bé H hợp lệ nhiều lần. Tuy nhiên, bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân phải được xây dựng dựa trên nguyên tắc tự nguyện xuất phát từ tình cảm giữa hai vợ chồng và phải có trách nhiệm chăm sóc, thương yêu, tôn trọng, giúp đỡ nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, giữa ông T và bà Bé H không xây dựng hạnh phúc gia đình dựa trên nguyên tắc đó mà lại nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung. Hiện tại giữa ông T và bà Bé H cũng đã sống ly thân với nhau. Bà Bé H cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến Tòa án hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Điều đó cho thấy, bà Bé H không còn thiết tha với cuộc hôn nhân này nữa. Cả hai người không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu ly hôn của ông Bùi Thanh T là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Giữa ông T và bà Bé H có với nhau 02 người con chung tên Bùi Thị Thúy V, sinh ngày 03/8/2002 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nên không đặt ra giải quyết. Còn con chung tên Bùi Thanh H, sinh ngày 07/8/2007 hiện đang sống cùng với ông T, do ông nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, ông T xin được nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu bà Bé H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại cháu Bùi Thanh H đang sống ổn định với ông T, được ông T nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Cháu H cũng có nguyện vọng được sống cùng cha là ông Bùi Thanh T. Do đó, việc giao cháu H cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Thừa nhận không có nên không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp, sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] Nguyên đơn Bùi Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

** Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Thanh T được ly hôn với bà Lê Thị Bé H.
2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thanh H, sinh ngày 07/8/2007 cho ông Bùi Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà Lê Thị Bé H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà Bé H, không ai được cản trở bà Bé H thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp, sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về án phí: Ông Bùi Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0003214 ngày 22/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng thành tiền án phí của ông T. Như vậy, ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Bùi Thanh T chịu số tiền 2.808.000 đồng. Số tiền này ông T đã thực hiện xong.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ;
- Viện KSND quận Cái Răng;
- Chi cục T.H.A.DS quận Cái Răng;
- UBND xã Đông Phú, H. Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thiền Quốc Khanh